

Số: **5629** /BTNMT-ĐCKS

Hà Nội, ngày **29** tháng **11** năm **2016**

V/v trả lời Công ty TNHH Mạnh Cường.

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được Công văn số 8810/VPCP-ĐMDN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ và Phiếu chuyên văn bản số 882/PC-TTĐT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đề nghị có ý kiến Văn bản số 011016CV/MC ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Công ty TNHH Mạnh Cường gửi Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết khó khăn vướng mắc cho Doanh nghiệp. Sau khi nghiên cứu nội dung đơn kiến nghị của Công ty, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

***1. Quy định của luật pháp về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:***

Tại Khoản 1 Điều 77 Luật khoáng sản năm 2010 quy định: “Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nhà nước thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thông qua đấu giá hoặc không đấu giá.”.

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, Nghị định quy định: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo trữ lượng địa chất còn nằm trong lòng đất nhằm khai thác triệt để, tiết kiệm tài nguyên và hiệu quả; đồng thời loại bỏ động cơ “chiếm mỏ” của một số tổ chức, cá nhân; tăng cường trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản.

Kể từ khi Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực cho đến nay đã thu về cho ngân sách Nhà nước gần 10.000 tỷ đồng. Đây là một thành quả mang lại nguồn thu quan trọng cho ngân sách, đồng thời, là nguồn lực để tái đầu tư cho hạ tầng cơ sở, an sinh xã hội, cải tạo môi trường và những hệ lụy khác do khai thác khoáng sản gây ra. Thực hiện chính sách này sẽ hạn chế tình trạng khai thác khoáng sản bừa bãi, lựa chọn doanh nghiệp có năng lực, từ đó quản lý tài nguyên khoáng sản có hiệu quả.

***2. Các ý kiến phản ánh và kiến nghị của Công ty TNHH Mạnh Cường:***

2.1. Về công thức quy định tại Điều 11 Nghị định 203/2013/NĐ-CP của Chính phủ  $T_{hn} = 2T/X \times G_n/G$  là “bất hợp lý”, doanh nghiệp phải nộp tiền cấp

quyền khai thác cho năm nay, đồng thời phải nộp tiền khai thác cho năm thứ 15 sau đó.

Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

2.1.1. Quy định tại Điều 11 Nghị định 203/2013/NĐ-CP cho phép thu tiền cấp quyền khai thác vào “nửa đầu thời hạn cấp phép”, nhà nước đã tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân giảm bớt áp lực tài chính trước khi quyết định vào dự án đầu tư khai thác khoáng sản, doanh nghiệp được nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nhiều lần, không có việc Nhà nước chiếm dụng khoản tiền này trong suốt 15 năm như Công ty đã nêu.

2.1.2. Trong công thức tính tiền cấp quyền không có quy định yếu tố “trượt giá”; theo đó, tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 chỉ quy định về tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ( $G_n/G$ ). Tỷ số này là nhằm bảo vệ quyền lợi của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, chỉ phải nộp theo giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2.2. Về ý kiến số tiền phải nộp lớn hơn rất nhiều so với sản lượng khai thác thực tế.

Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin trả lời như sau:

- Tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 77 Luật khoáng sản quy định:

“2. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định căn cứ vào giá, trữ lượng, chất lượng khoáng sản, loại hoặc nhóm khoáng sản, điều kiện khai thác khoáng sản.

3. Chính phủ quy định cụ thể phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.”

- Tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP quy định:

“2. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q) là trữ lượng địa chất nằm trong ranh giới khu vực được cấp phép khai thác.”

Với những quy định nêu trên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính theo trữ lượng trong lòng đất, nhà nước thu trên trữ lượng địa chất huy động vào khai thác. Căn cứ vào dự án đầu tư (công suất khai thác hàng năm), doanh nghiệp được phép khai thác tối đa trữ lượng theo công suất ghi trong giấy phép tùy theo nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Nếu không khai thác hết trữ lượng ghi trên giấy phép, doanh nghiệp có quyền xin gia hạn và khi đó, tổ chức, cá nhân không phải nộp khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã thực hiện nghĩa vụ cho nhà nước.

Như vậy, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính theo “trữ lượng” chứ không phải tính theo “sản lượng”. Đồng thời, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo trữ lượng huy động vào khai thác, nhà nước chỉ thu từ 1-5% giá trị quặng nguyên khai tùy theo nhóm khoáng sản.

2.3. Về đề nghị Chính phủ thay đổi phương thức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo hướng đóng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo sản lượng thực tế khai thác hàng năm.

Về vấn đề này, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin trả lời như sau:

Bản chất tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là mức thu theo tỷ lệ phần trăm giá trị quặng nguyên khai (chưa qua sàng tuyển, chế biến) khi Nhà nước “trao quyền” sở hữu khoáng sản (sở hữu toàn dân) cho tổ chức, cá nhân tiến hành khai thác; dù khai thác hay không khai thác, tổ chức, cá nhân đều phải nộp một khoản tiền “cấp quyền khai thác khoáng sản”; khoản tiền này phải trả cho Nhà nước trước khi kết thúc dự án (đối với Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực là 5 năm trước khi kết thúc dự án khai thác và đối với Giấy phép khai thác khoáng sản cấp sau ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực là trước nửa đầu thời gian dự án khai thác). Do vậy, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản không thể thu theo sản lượng khai thác thực tế hàng năm như thuế tài nguyên.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính chuyển Quý cơ quan để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐCKS, B(04).

